

Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam năm 2015: TIỀM NĂNG HỘI NHẬP, THÁCH THỨC HÒA NHẬP

NGÔ THỊ CHINH ĐỨC

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Hàng loạt vấn đề như: cái được và mất khi tham gia TPP; những bất ổn đằng sau phương pháp chọn lựa chính sách tỷ giá khi đất nước tham gia ngày càng sâu rộng vào thương mại quốc tế; vấn đề về cấu trúc thị trường lúa gạo trong thời kỳ hội nhập; khả năng chịu đựng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trước những cú sốc có thể xảy ra trong thời gian sắp tới... được Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam năm 2015 với chủ đề “Tiềm năng hội nhập, thách thức hòa nhập” lý giải và phân tích một cách khoa học, sâu sắc. Bài viết tổng quan một số nội dung cơ bản của Báo cáo này.

Tổng quan kinh tế thế giới năm 2014 và triển vọng 2015

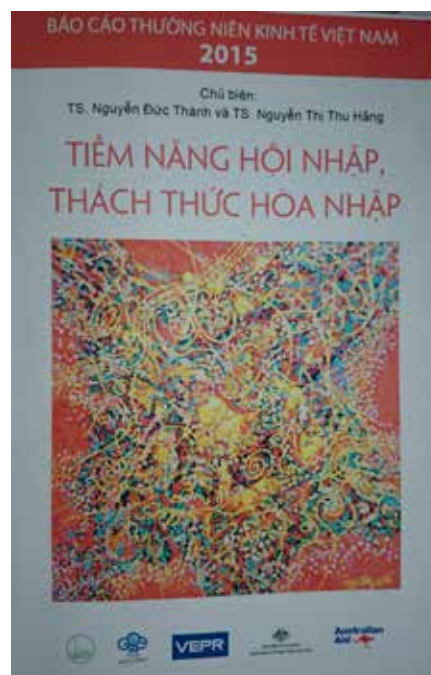
Sau 6 năm khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới, các nước đã dần thoát khỏi những tác động xấu nhất của cuộc khủng hoảng, nhưng kinh tế toàn cầu vẫn không thể lấy lại được “phong độ” như thời gian trước khủng hoảng mà đã chuyển sang một giai đoạn “bình thường mới” với chu kỳ tăng trưởng thấp. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2014 có nhích hơn so với năm 2012 và 2013, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với dự báo triển vọng ban đầu của các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) đã đưa ra từ đầu năm. Bối cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức thấp, tình trạng thất nghiệp toàn cầu chưa được cải thiện.

Thương mại toàn cầu vẫn ảm đạm với tốc độ tăng trưởng thấp do các yếu tố như: sự sụt giảm về phân đoạn trong mạng lưới

sản xuất, sự gia tăng mạnh áp dụng các hàng rào kỹ thuật trong nhóm nước G20, giá dầu thế giới sụt giảm mạnh và kéo dài, hay sự bùng phát đại dịch Ebola tại Tây Phi, các xung đột vũ trang ở Trung Đông, căng thẳng địa chính trị giữa Nga với Ukraine và phương Tây, và các đợt biến động về tiền tệ.

Giá dầu thế giới giảm liên tục tác động lớn tới tình hình ngân sách nhà nước của nhiều nền kinh tế theo hai hướng là tích cực đối với những nước có nhu cầu lớn về nhập khẩu dầu và tiêu cực đối với những nền kinh tế vốn phụ thuộc vào xuất khẩu dầu mỏ do doanh thu từ dầu mỏ bị giảm. Giá dầu giảm nên năm 2014 chứng kiến sự giảm giá đồng loạt của hầu hết các loại hàng hóa chính.

Do tăng trưởng kinh tế toàn cầu còn thấp và mong manh, những cuộc xung đột và bất ổn địa chính trị đã ngăn cản dòng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt



Báo cáo thường niên kinh tế
Việt Nam 2015

từ các nước phát triển, nên dòng vốn FDI toàn cầu đã giảm nhẹ. Tuy nhiên, hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) xuyên quốc gia vẫn hồi phục mạnh mẽ và tăng lên mức đỉnh điểm tính từ năm 2011 tới nay.

Năm 2015 vẫn còn tồn tại những xu hướng trái chiều, khó khăn và thuận lợi đan xen gây ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Những nhân tố này bao gồm: (i) việc Mỹ dự kiến sẽ điều hành thắt chặt chính sách tiền tệ có thể gây ra áp lực nhất định lên tỷ giá hối đoái đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam; (ii) Trung Quốc tăng trưởng chậm lại làm giảm giá hàng xuất khẩu của Trung Quốc; (iii) giá dầu thế giới sẽ dần tăng nhẹ làm tăng giá thành sản xuất và có thể sẽ gây áp lực nhất định lên chỉ số giá tiêu dùng trong năm 2015; và (iv) dự báo tăng trưởng kinh tế tại Mỹ, châu Âu và Nhật Bản - các đối tác thương mại lớn của Việt Nam sẽ lạc quan hơn trong năm 2015 có thể sẽ tạo thuận lợi hơn cho xuất khẩu của Việt Nam.

Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2014

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng trên quỹ đạo thấp, hồi phục không đồng đều, thương mại quốc tế gặp nhiều cản trở, tăng trưởng kinh tế 2014 của Việt Nam đạt 5,98%, vượt mục tiêu của Chính phủ và hầu hết dự báo. Là động lực tăng trưởng chính, công nghiệp tăng trưởng nhanh trong bối cảnh các điều kiện sản xuất cải thiện và nhu cầu cao hơn từ cả trong nước và nước ngoài. Cấu trúc kinh tế bộc lộ nhiều vấn đề, chuyển dịch cơ cấu chậm. Khuynh hướng tăng trưởng dài hạn chưa có dấu hiệu quay trở lại mức trước 2008. Khu vực trong nước đang tỏ ra không bắt kịp khu vực đầu tư nước ngoài trong sử dụng nguồn lực để mở rộng sản xuất và đầu tư.

Tuy tỷ lệ lạm phát giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2000, dấu hiệu cải thiện trong tiêu dùng chưa dứt khoát. Các cán cân vĩ mô cũng giảm bớt mức độ mất cân bằng. Cán cân thanh toán cải thiện bởi thặng dư trong cán cân vãng lai và cán cân tài chính. Dự trữ ngoại hối tăng đáng kể, cải thiện khả năng đảm bảo thanh toán. Ngân sách không kìm chế được chi tiêu thường xuyên, đánh đổi chi đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu thâm hụt ngân sách. Dù giảm thâm hụt, ngân sách vẫn mất cân bằng và thiếu bền vững do thâm hụt có tính cơ cấu. Trái phiếu phát hành mới không chỉ để bù đắp bội chi trong năm mà còn để đảo nợ một khối lượng trái phiếu đáo hạn.

Thận trọng với lạm phát, Ngân hàng nhà nước (NHNN) cắt giảm lãi suất trong tháng 3 với bước giảm 0,5%. Tín dụng tăng trưởng nhỉnh hơn nhờ sự gia tăng tín dụng ngoại tệ - một ngoại lệ của NHNN khi tín dụng tiền đồng tăng chậm hơn kỳ vọng. Nhu cầu với ngoại tệ tăng, tạo áp lực lên tỷ giá, thúc đẩy NHNN can thiệp từ dự trữ ngoại hối và điều chỉnh tỷ giá tăng 1% trong tháng 6. Hệ thống ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, vẫn ẩn chứa sự bất trắc về độ lành mạnh tài chính thực tế. Nợ xấu có thể đã giảm, nhưng vẫn chưa về mức an toàn. Xử lý nợ xấu gặp vướng mắc pháp lý trong giải quyết tài sản đảm bảo liên quan đến đất đai.

Giá vàng trong nước giảm do nhu cầu phòng vệ lạm phát và nhu cầu đầu tư thấp và đồng USD tăng giá. Thị trường chứng

khoán biến động mạnh qua 2 chu kỳ lên xuống. Thị trường bất động sản ấm lên chủ yếu trong phân khúc nhà ở thương mại bình dân và nhà ở xã hội.

Bất ổn đằng sau sự ổn định danh nghĩa của tỷ giá

Ước lượng mức tỷ giá cân bằng là công việc có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chính sách về tỷ giá cũng như dự báo xu hướng chuyển động của tỷ giá trong tương lai. Nhóm tác giả đưa ra hai phương pháp ước lượng tỷ giá cân bằng cho Việt Nam dựa trên cách tiếp cận ngang giá sức mua và cân bằng tổng thể. Phương pháp ước lượng hồi quy dựa trên cách tiếp cận cân bằng tổng thể tỏ ra phản ánh chính xác hơn phương pháp tỷ giá thực hữu dụng của cách tiếp cận ngang giá sức mua. Mặc dù vậy, cả hai phương pháp đều chỉ ra xu hướng lên giá của tiền đồng trong giai đoạn 2011-2014. Tính toán cho thấy, tiền đồng được định giá cao hơn giá trị cân bằng 7-11% thời điểm cuối năm 2014. Xu hướng của tỷ giá thực hữu hiệu do nhóm tác giả tính toán cũng thể hiện xu hướng lên giá của tiền đồng.

Phân tích định lượng dựa trên mô hình cân bằng tổng thể khả toán CGE cho thấy, việc định giá cao tiền đồng ảnh hưởng tiêu cực đến các ngành sản xuất sử dụng tỷ trọng lớn đầu vào sản xuất trong nước như nông nghiệp, chế biến nông sản, công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ thâm dụng lao động và khai khoáng. Đáng lưu ý, đây là những ngành sản xuất đóng góp chủ yếu vào việc tạo ra việc làm và tiến bộ năng suất của

nền kinh tế. Trong khi đó, tỷ giá cao sẽ giúp mở rộng tiêu dùng và các ngành sử dụng nhiều đầu vào sản xuất nhập khẩu như công nghiệp chế tạo thâm dụng vốn.

Có thể thấy, tiền đồng bị định giá cao khiến nền kinh tế có khuynh hướng nhập khẩu nhiều hơn, thay vì tự sản xuất trong nước. Điều này phản ánh đúng một thực tế là các doanh nghiệp trong nước ngày càng ít tự đầu tư vào sản xuất hơn, mà sẽ chuyển hướng sang nhập khẩu về để bán. Đồng thời thương mại và du lịch cũng chịu những ảnh hưởng xấu.

Phân tích an toàn vĩ mô cho hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2015: ứng dụng phương pháp kiểm tra sức chịu đựng

Trong bối cảnh hội nhập, việc đánh giá khả năng chịu đựng của hệ thống ngân hàng đang ngày càng trở thành một vấn đề cấp thiết đối với giới nghiên cứu và hoạch định chính sách. Phương pháp chủ yếu để thực hiện điều này là xây dựng các bài kiểm tra sức chịu đựng (stress test) đánh giá hệ thống ngân hàng trước những sự kiện hay kịch bản giả định đặc biệt khác thường và có khả năng xảy ra thấp. Ứng dụng phương pháp kiểm tra sức chịu đựng về khả năng thanh toán, nhóm tác giả xây dựng một khung phân tích đánh giá tác động của các cú sốc lên 13 ngân hàng trong hệ thống sau năm 2015. Những loại rủi ro được đưa vào trong bài kiểm tra gồm có: tín dụng, tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán.

Hai kịch bản được đặt ra để đánh giá sức chịu đựng của các

ngân hàng được xây dựng theo hai cách khác nhau. Kịch bản đầu tiên dựa vào các mô hình kinh tế lượng, trong khi kịch bản thứ hai quan sát chuỗi các biến vĩ mô trong giai đoạn từ quý I/1996 đến quý IV/2014 và lựa chọn những thời điểm các biến số vĩ mô này bất lợi nhất cho nền kinh tế. Từ hai kịch bản này, các tác giả tính toán hệ số an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng sau năm 2015, đồng thời ước tính chi phí tái cấp vốn cho toàn bộ hệ thống.

Kết quả của bài kiểm tra sức chịu đựng cho thấy, trong kịch bản đầu tiên, chỉ có bốn ngân hàng vẫn còn ở mức an toàn và trong kịch bản thứ hai, hệ số CAR của các ngân hàng đều sụt giảm rất mạnh, không có ngân hàng nào giữ được hệ số CAR cao hơn 9%. Nếu điều này xảy ra, NHNN sẽ phải bổ sung thêm vốn cho các ngân hàng này để tránh sự sụp đổ mang tính hệ thống. Theo tính toán của nhóm tác giả, chi phí tái cấp vốn cho hệ thống ngân hàng trong hai kịch bản sẽ lần lượt vào khoảng 1,50% và 2,97% GDP trong năm 2015.

Được và mất từ TPP: sử dụng mô hình GTAP đánh giá cho Việt Nam

Nhóm tác giả đã tiến hành đánh giá định lượng về những ảnh hưởng kinh tế tiềm tàng của việc tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ của TPP lên Việt Nam. Sử dụng cơ sở dữ liệu Dự án phân tích thương mại toàn cầu (GTAP) bản 9.0 và mô hình GTAP, các tác giả đã mô phỏng các tác động kinh tế từ việc tham gia TPP, dựa trên giả định rằng, thuế quan song phương đối với

hàng hóa sẽ được dỡ bỏ hoàn toàn và các hàng rào phi thuế quan sẽ được cắt giảm nhằm thuận lợi hóa thương mại.

Với cơ sở dữ liệu cập nhật và các kịch bản thực tế hơn, nghiên cứu này một lần nữa khẳng định, Việt Nam là nước được hưởng lợi nhiều về mức tăng GDP thực tế và tổng phúc lợi (tính theo phần trăm thay đổi). Trong cả 3 kịch bản, Việt Nam đều là nước có thay đổi GDP thực tế theo phần trăm cao nhất trong 12 nước thành viên TPP, tăng từ 1,03% đến 2,11%, chủ yếu nhờ tăng đầu tư và tiêu dùng. Mức tăng này tương đương với giá trị tuyệt đối là 1,4 tỷ USD đến 2,9 tỷ USD, khá thấp so với con số của Nhật Bản, Canada (trong cả 3 kịch bản) và Mỹ (trong 2 kịch bản thuận lợi hóa thương mại dịch vụ). Riêng về đầu tư, mức tăng của Việt Nam là nổi bật trong khối, xấp xỉ Nhật Bản, gấp đôi Úc, Malaysia và Mỹ (trong viễn cảnh thuận lợi hóa thương mại dịch vụ chưa lan ra các nước ngoài TPP). Về thương mại, trong khi nhập khẩu tăng mạnh thì xuất khẩu lại chứng kiến mức giảm nhẹ, khiến Việt Nam đi sâu hơn vào nhập siêu. Xét đến thay đổi theo ngành nhờ TPP, có sự dịch chuyển trong sản xuất và lao động từ các ngành Việt Nam không còn lợi thế so sánh (các ngành nông nghiệp) sang các ngành Việt Nam vẫn đang có lợi thế (đặc biệt là ba ngành dệt may, da giày và dịch vụ tiện ích).

Hướng tới hội nhập bền vững thị trường lúa gạo Việt Nam: cách tiếp cận cấu trúc thị trường

Kể từ cuối thập niên 80 của

thế kỷ trước, ngành lúa gạo của Việt Nam đã phát triển liên tục theo hướng gia tăng sản lượng và xuất khẩu gạo, giúp Việt Nam đảm bảo an ninh lương thực và liên tục là một trong ba nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới trong suốt một thập kỷ qua. Tuy nhiên, cùng với những biến chuyển của thị trường lúa gạo thế giới, chú trọng mở rộng quy mô lúa gạo Việt Nam đang tạo ra nhiều nguy cơ tiềm ẩn đối với sự phát triển bền vững của thị trường lúa gạo như: giá gạo xuất khẩu ở mức thấp và luôn bấp bênh, tạo sức ép giảm giá lên toàn bộ thị trường, gia tăng nguy cơ đất trồng bị thoái hoá; đời sống người nông dân chưa thực sự được cải thiện...

Nhóm tác giả sử dụng khung lý thuyết cấu trúc - hành vi - hiệu quả (SCP) của lý thuyết ngành để phân tích đặc điểm thị trường lúa gạo trong nước và trên thế giới. Phân tích cấu trúc thị trường lúa gạo thế giới cho thấy, trong dài hạn, cung xuất khẩu gạo có khả năng sẽ lớn hơn cầu. Nhận định này xuất phát từ việc nhiều quốc gia đang nhập khẩu gạo như Philippines và Indonesia đang nỗ lực đầu tư mạnh cho ngành lúa gạo để sớm tự túc; trong khi đó, một số quốc gia tiềm năng đang gia tăng năng suất trồng lúa như Ấn Độ, Campuchia và Myanmar. Ngoài ra, nhu cầu tiêu thụ gạo tại các quốc gia châu Á lại chuẩn bị đạt đỉnh và sẽ có xu hướng đi ngang hoặc giảm nhẹ từ 2030.

Phân tích đặc điểm cấu trúc, hành vi và hiệu quả của các thành phần tham gia thị trường lúa gạo, nghiên cứu đã đề xuất nên lưu ý tiềm năng của khu vực xay xát -

chế biến. Đây là khu vực có tiềm năng tự nhiên cần được khuyến khích phát triển, từ đó tích tụ vốn, tạo liên kết dọc, trở thành các doanh nghiệp có vùng nguyên liệu, thiết bị chế biến hiện đại và có thị trường đầu ra ổn định, đảm bảo chất lượng thành phẩm. Ngoài ra, nhằm đẩy mạnh định hướng phát triển thị trường gạo nội địa, Việt Nam cũng cần bãi bỏ thuế VAT tiêu thụ gạo trong nước, tạo ra sự công bằng giữa các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo.

Về phân đoạn mua bán lúa, để tăng hiệu quả và quyền lực của người nông dân tham gia sản xuất lúa gạo một cách bền vững, nghiên cứu cũng đã phân tích và chỉ ra sự cần thiết trong phát triển cơ chế tài chính vi mô và bảo hiểm phù hợp cho người nông dân. Nhóm tác giả cũng ủng hộ chính sách linh động hơn về quỹ đất trồng lúa 3,8 triệu ha, từ đó tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho nông dân trồng lúa. Về phân đoạn tiêu thụ, nhằm tăng tính công bằng và hiệu quả của thị trường, các chính sách về điều kiện trở thành doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong Nghị định 109/2010/NĐ-CP ngày 4.11.2010 về kinh doanh xuất khẩu gạo cần được nới lỏng. Ngoài ra, Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) cần được tổ chức lại để đảm bảo Hiệp hội phải có đại diện đầy đủ của doanh nghiệp tư nhân, chính quyền địa phương và nông dân trong hiệp hội này.

Viễn cảnh kinh tế năm 2015 và khuyến nghị chính sách

Năm 2015 là năm đánh dấu những mốc hội nhập to lớn của

Việt Nam, kể từ khi hội nhập vào WTO cuối năm 2007. Có thể kể tới các dấu mốc đó là: ký kết Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EU-VN FTA), cơ bản kết thúc các vòng đàm phán TPP và Cộng đồng kinh tế châu Á (AEC) chính thức đi vào hoạt động. Đây là những bước ngoặt hội nhập mở ra nhiều ảnh hưởng sâu rộng đối với nền kinh tế Việt Nam, có ảnh hưởng phát huy trong trung và dài hạn.

Về nội bộ nền kinh tế, năm 2015 chứng kiến ít nhất hai vấn đề lớn. *Thứ nhất*, thâm hụt ngân sách tăng cao do khó khăn trong duy trì và cải thiện nguồn thu đi liền với nỗ lực yếu ớt trong việc tiết chế các khoản chi. Điều này đặt Chính phủ vào những khó khăn trong việc huy động nguồn tài trợ thâm hụt ngân sách. Nếu Quốc hội không có sự thỏa hiệp cần thiết trong định mức về lượng trái phiếu phát hành hoặc trần nợ công, Chính phủ có thể bị đẩy vào tình thế phải tìm kiếm nguồn tài trợ tạm thời từ NHNN Việt Nam dưới nhiều hình thức, và xét cho cùng có bản chất tiền tệ nhiều hơn là tài khóa. Điều đó dẫn tới nguy cơ phá vỡ những ràng buộc về kỷ luật tiền tệ lẫn tài khóa, tạo một tiền lệ xấu. Tác động tức thời của các chính sách này là sự xói mòn niềm tin của thị trường vào cả chính sách tiền tệ và mức độ minh bạch tài khóa. *Thứ hai*, tỷ giá VND/USD tiếp tục được duy trì ổn định về mặt danh nghĩa sẽ làm VND tiếp tục tích lũy sự lên giá. Điều này âm thầm xói mòn sức cạnh tranh của các mặt hàng sản xuất trong nước cũng như các dịch vụ thu hút khách nước

ngoài, như du lịch.

Cần lưu ý rằng, hai yếu tố này tưởng chừng ít liên quan, nhưng lại gắn bó mật thiết với nhau, đặc biệt khi xảy ra các tình huống bất lợi. Ví dụ, việc tài trợ cho thâm hụt ngân sách nếu kích hoạt một làn sóng lạm phát nhẹ vào đầu năm 2016, có thể dẫn tới sức ép thay đổi tỷ giá ngày càng nhiều hơn vào thời điểm đó. Và nếu tỷ giá phải thay đổi mang tính đối phó, thì vô hình trung sẽ tạo ra một vòng xoáy lạm phát - thay đổi tỷ giá, phá vỡ thế cân bằng vĩ mô đang tạm thời có được hiện nay.

Hai kịch bản dự báo được xây dựng cho thấy, tăng trưởng của năm 2015 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhẹ đã tích lũy từ năm 2013. Trong bối cảnh khá ổn định hiện nay, hai kịch bản có tính hội tụ tương đối. Kịch bản thấp dự báo mức tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,1%, trong khi kịch bản cao hơn cũng chỉ đạt mức 6,3% (theo giá cố định năm 2010). Lạm phát của cả năm 2015 trong kịch bản 1 được dự báo tiếp tục duy trì mức tương đối thấp, tương tự năm 2014 (khoảng 1,9%). Đối với kịch bản 2, khi nền kinh tế phục hồi cao hơn một chút, thì lạm phát có thể lên tới 3,2% và khuynh hướng tăng diễn ra nhanh hơn vào cuối năm và tiếp tục tăng trong 2016. Đây là trường hợp nền kinh tế rơi vào một vòng xoáy mới giữa lạm phát và thay đổi tỷ giá như trên đã phân tích. Kịch bản 2 tuy có bề ngoài không khác quá xa kịch bản 1, nhưng phản ánh một mức độ rủi ro vĩ mô cao hơn nhiều sẽ xuất hiện trong năm 2016.

Liên quan đến các vấn đề căn bản của nền kinh tế, cần phải nhắc lại những vấn đề sau:

- Tính dễ tổn thương của hệ thống ngân hàng, khả năng chịu đựng cú sốc mạnh là thấp, tính bất trắc trong sức khỏe thực sự của từng ngân hàng...

- Định hướng các ngành sản xuất, chế biến xuất khẩu cần được thị trường hóa nhiều hơn nữa để tăng sức cạnh tranh, phát huy sức mạnh của khu vực doanh nghiệp trong ngành. Điển hình như ngành lúa gạo, cần nới lỏng các điều kiện xuất khẩu, tăng cường vai trò của các nhân tố nội sinh (hệ thống doanh nghiệp xay xát) làm nền tảng cho các liên kết dọc trong ngành, xây dựng năng lực cạnh tranh cho ngành.

- Lợi ích tham gia TPP đối với Việt Nam là tích cực và mang tính nền tảng, tác động đến cấu trúc nền kinh tế thông qua ảnh hưởng khác nhau giữa các ngành và lĩnh vực. Lợi ích từ TPP sẽ lớn hơn nếu gỡ bỏ ràng buộc lên các yếu tố sản xuất căn bản như vốn, lao động, đất đai. Điều này quan hệ mật thiết tới cải cách hành chính và cải cách thể chế.

Trên cơ sở đó, một số chính sách liên quan được nhấn mạnh như sau:

Một là, chính sách tỷ giá linh hoạt theo hướng giảm giá VND, duy trì hoặc tiếp tục tăng cường dự trữ ngoại hối để tăng niềm tin đối với chính sách tiền tệ.

Hai là, tiếp tục cải cách, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại nhằm tạo tiền đề cho sự hồi phục tỷ suất sinh lời, tăng tích lũy vốn cho hệ thống. Tiếp tục tái cơ cấu danh mục tài sản có rủi ro cao.

Ba là, áp dụng hợp lý các hàng rào kỹ thuật cho hàng nhập khẩu

và tăng nhận thức về hàng rào kỹ thuật của các nước xuất khẩu.

Bốn là, cải cách mạnh mẽ thể chế trong nước, tạo sự linh hoạt các yếu tố sản xuất di chuyển qua biên giới.

Năm là, vấn đề dài hạn vẫn là tăng năng suất lao động và giá trị gia tăng. Điều này đòi hỏi những chương trình cải cách đồng bộ trong lĩnh vực hành chính, thể chế và các chiến dịch thay đổi trong hệ thống doanh nghiệp về tinh thần tăng năng suất, hiệu quả trong bản thân mỗi doanh nghiệp.

Bên cạnh những gợi ý chính sách trung và dài hạn nêu trên, chúng tôi đề xuất một sáng kiến hội nhập mới. Để chủ động hơn trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời khai thác các lợi ích từ hàng hải tự do và an ninh biển, Việt Nam nên đề xuất thành lập Khối hợp tác kinh tế biển xuyên Á (PanAsia Marine Economic Cooperation - PAMEC) nhằm tạo dựng một hệ thống hạ tầng trên biển chất lượng cao, kết nối các nền kinh tế biển quan trọng nhất giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, tạo lập một khối hợp tác vì thịnh vượng và an ninh chung. PAMEC có thể được xây dựng trên nền tảng các ứng viên sáng lập (xếp theo thứ tự ABC) như sau: Australia, Ấn Độ, Canada, Đài Loan, Hoa Kỳ, Indonesia, New Zealand, Nhật Bản, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam 𠂆